

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG,
NĂM HỌC 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm				
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2437 (99,51%)	839 (100%)	833 (99,28%)	765 (99,22%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	12 (0,49%)	0 (0,00%)	6 (0,72%)	6 (0,78%)
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực				
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1882 (76,85%)	647 (77,12%)	643 (76,64%)	592 (76,78%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	534 (21,8%)	188 (22,41%)	184 (21,93%)	162 (21,01%)
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	32 (1,31%)	4 (22,41%)	11 (1,31%)	17 (2,20%)
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)	2449/ 2449 (100%)	839	839	771
a	Học sinh giỏi, xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	2042/2449 (76,77%)	647 (142XS) (77,12%)	641 (161XS) (76,40%)	592 (76,78%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	162/2449 (6,61%)	0	0	162 (21,01%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	00/2449	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0/2449	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
4	Chuyển trường đến/đi du học (tỷ lệ so với tổng số)	77/26	64/16	01/07	12/03
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Kỳ thi giải toán trên máy tính cầm tay – cấp TP	13	01 Nhất	05 Nhì	07 Ba
2	Kỳ thi Học sinh Giỏi 12 - cấp TP	25		03 Nhì	22 Ba
3	Kỳ thi Olympic Thành phố (Không chuyên)	24	01 Vàng	06 Bạc	17 Đồng
4	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
5	Kỳ thi Khoa học kỹ thuật cấp Thành phố	02 giải		01 Nhì	01 Ba
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	770			770
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	768			768
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	578/768			478/768
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	190/768			190/768 (03 HS du học)
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1086/1363	373/466	396/443	317/454
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	75	19	28	28

- Thành tích học sinh giỏi năm học 2023 – 2024:

Kỳ thi	Hạng Nhất/ Huy chương Vàng	Hạng Nhì/ Huy chương Bạc	Hạng Ba/ Huy chương Đồng	Tổng số
Giải toán trên máy tính cầm tay nhanh cấp Thành phố	01	05	07	13
HS Giỏi 12 cấp Thành phố	-	03	22	25
Kỳ thi Olympic Tháng 4 cấp Thành phố (Không chuyên)	01	06	17	24



HIỆU TRƯỞNG

Trần Công Tuấn